TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:**13**/2022/QĐST-HNGĐ	*Nông Cống, ngày 17 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 25/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 01năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn ĐĐ, xã CL, huyện NC, tỉnh Thanh H.

- *Bị đơn*: Chị Bùi Thị S, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn ĐĐ, xã CL, huyện NC, tỉnh Thanh H.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm akhoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm d khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào các Điều: 51, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Bùi Thị S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Bùi Thị S.

2.2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự:

Giaocháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 20/9/2004 và Nguyễn Văn L1, sinh ngày 04/4/2008 cho chị Bùi Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị S không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự về việc tự phân chia tài sản:

- Thửa đất số 411, tờ bản đồ số 01, diện tích 724,2m^2 địa chỉ: Thôn ĐĐ, xã CL, huyện NC, tỉnh Thanh H là tài sản riêng của anh Nguyễn Văn H.

- Giao tài sản chung là 01 căn nhà mái bằng trị giá 50.000.000đ *(năm mươi trieuj đồng)* làm trên thửa đất số 411, tờ bản đồ số 01, diện tích 724,2m^2 địa chỉ: Thôn ĐĐ, xã CL, huyện NC, tỉnh Thanh H cho anh Nguyễn Văn H sở hữu nhưng anh phải giao lại cho chị Bùi Thị S số tiền chênh lệch về tài sản là 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)*.

2.4 Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Bùi Thị S thống nhất thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5 Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu tiền số AA/2021/0006782ngày 26tháng01năm 2022. Trả lại cho anh H150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thoả thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh H;
- VKSND huyện Nông Cống;
- THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Kỳ Anh